

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

BẢN ĐỒ TƯ DUY

**PHƯƠNG PHÁP GIÚP HỌC SINH HỆ
THỐNG KIẾN THỨC VÀ ÔN TẬP MÔN
NGŨ VĂN 12**

<u>Mục lục</u>	Trang
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	2
B. NỘI DUNG CỦA ĐỀ TÀI.....	2
I. CƠ SỞ KHOA HỌC.....	2
1. Cơ sở lí luận.....	2
2. Cơ sở thực tiễn.....	3
II. NỘI DUNG.....	3
1. Lí thuyết về bản đồ tư duy.....	3
2. Cách thức chung.....	4
3. Nội dung cụ thể.....	6
3.1 <i>Đoạn trích Việt Bắc – Tố Hữu</i>	6
3.2 <i>Tác phẩm Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân.....</i>	10
3.3 <i>Tác phẩm “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ</i> <i>Ngọc Tường</i>	13
3.4 <i>Tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu.....</i>	15
3.5 Thiết kế giáo án cụ thể.....	18
III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ TÀI	22
C . ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ TÀI.....	22
D . TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	23

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vào các năm gần đây, “*Đổi mới phương pháp dạy học*” là một cụm từ không hề xa lạ với ngành giáo dục nói chung và giáo viên đứng lớp nói riêng. Nó là một đòi hỏi cấp bách, một xu hướng tất yếu của các trường học.

Tùy vào từng bộ môn và kinh nghiệm của bản thân mà mỗi giáo viên cần tìm tòi, áp dụng phương pháp mới vào giảng dạy nhằm giúp học sinh hứng thú và chủ động hơn trong học tập. Đồng thời, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của trường phổ thông, góp phần vào việc hình thành nhân cách phát triển toàn diện của học sinh. Những phương pháp mới không những giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức mà quan trọng hơn là giúp các em tự học để nắm vững kiến thức, tái hiện kiến thức và hoàn thành tốt bài thi.

Có rất nhiều phương pháp mới giúp học sinh tích cực, hứng thú và nắm bài học một cách hệ thống như: Công thức, mô hình hóa, sơ đồ hóa (grap)... Trong các năm gần đây, sử dụng sơ đồ tư duy vào tất cả các lĩnh vực như Kinh doanh, Quản lí... Dạy và học cũng không ngoại lệ. Đã đọc nhiều tài liệu về Bản đồ tư duy về các lĩnh vực (đặc biệt là giảng dạy ở nhà trường), tôi thực hiện đề tài “Bản đồ tư duy- phương pháp giúp học sinh hệ thống kiến thức và ôn tập Ngữ Văn 12” để bổ sung một phương pháp có hiệu quả trong việc hệ thống kiến thức giúp học sinh tự ôn tập tốt hơn.

B. NỘI DUNG CỦA ĐỀ TÀI

I. CƠ SỞ KHOA HỌC

1. Cơ sở lí luận

- Tiến sỹ Huỳnh Công Minh Giám Đốc Sở GD-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng “*Ưu điểm của bản đồ tư duy là sẽ đem đến cho học sinh những lợi ích cụ thể trong quá trình học tập là nắm được nội dung cơ bản của bài học, hệ thống nội dung kiến thức và biểu thị bằng sơ đồ, ghi nhớ nội dung học tập một cách sâu sắc và bền vững*”

- Còn thầy Hoàng Đức Huy trong cuốn sách “*Bản đồ tư duy đổi mới dạy học*” thì cho rằng “*Bản đồ tư duy là một công cụ hữu ích trong giảng dạy và học tập ở trường Phổ Thông cũng như ở các bậc học cao hơn vì chúng giúp giáo viên và học sinh trong việc trình bày các ý tưởng một cách rõ ràng, suy nghĩ sáng tạo, học tập thông qua biểu đồ, tóm tắt thông tin của một bài học hay một cuốn sách... hệ thống lại kiến thức đã học, tăng cường khả năng ghi nhớ, đưa ra ý tưởng mới... ”*

Như vậy, sử dụng bản đồ tư duy hợp lí sẽ giúp cho học sinh rất nhiều trong việc nắm vững và khắc sâu kiến thức.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiếu học là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Hiện nay, ngoài việc học để tiếp thu kiến thức, các em học sinh còn phải trải qua các kì thi gay go: thi Tốt Nghiệp, thi Đại Học, Cao Đẳng....

Trong kì thi Tốt Nghiệp có hai hình thức: Ngoại ngữ, Sinh học, Vật lí, Hóa học thi với hình thức trắc nghiệm khách quan; còn Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí

thi với hình thức tự luận. Cùng với những môn Khoa học Tự Nhiên, những môn Khoa Học xã hội cũng có lượng kiến thức rất nhiều. Làm thế nào để học sinh hệ thống kiến thức, nắm vững kiến thức một cách khoa học, logic, tránh sự nhầm lẫn? Là một giáo viên đã cùng nhiều thế hệ học sinh trải những kì thi Tốt Nghiệp, tôi luôn trăn trở làm thế nào để giúp học sinh hệ thống kiến thức và ôn tập một cách tốt nhất? Đặc biệt là với đối tượng học sinh trường có đầu vào thấp như trường THPT Kiệm Tân. Đối với bộ môn Ngữ văn, học sinh không những phải chăm học mà còn phải có phương pháp học phù hợp mới có thể nắm vững kiến thức cơ bản.

Một thực trạng đáng lo ngại trong quá trình ôn tập là khi giáo viên hỏi bài, học sinh đã nắm hầu hết kiến thức, nhưng khi kiểm tra lại thì học sinh đã quên hoặc có sự nhầm lẫn tai hại. Nhầm lẫn kiến thức của giai đoạn văn học này sang giai đoạn văn học khác, tác giả này với tác giả khác, thậm chí từ nhân vật này sang nhân vật khác...

Khi sử dụng Bản đồ tư duy trong giảng dạy và hệ thống hóa kiến thức, tôi nhận thấy học sinh hứng thú, tích cực hơn so với các phương pháp khác. Tuy nhiên, khi thực hiện Bản đồ tư duy, giáo viên cũng cần kết hợp nhuần nhuyễn nhiều phương pháp để khai thác triệt tác dụng của phương pháp dạy học tích cực.

II. NỘI DUNG

1. Lí thuyết về Bản đồ tư duy

- Bản đồ tư duy còn gọi là Sơ đồ tư duy, Lược đồ tư duy... là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức... bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết với sự tư duy tích cực. *Có thể gọi bản đồ tư duy là công cụ ghi chú tối ưu. (Internet)*

- Bộ não của con người được coi là một thế giới bí ẩn. Não trái ghi nhớ các thông tin bằng các kí tự, đường thẳng, con số. Não phải giúp ta xử lí các thông tin về nhịp điệu, màu sắc, hình ảnh... Từ trước đến nay, chúng ta thường quen với việc ghi chép thông tin bằng từ ngữ, gạch đầu dòng, tóm ý... Như vậy, chúng ta chỉ sử dụng 50% khả năng của bộ não khi ghi nhận thông tin. Năm 1960, Tony Buzan đã nghiên cứu ra phương pháp Bản đồ tư duy (Mind Map), đã giúp con người tận dụng triệt để khả năng ghi nhận thông tin của bộ não.

- Trong chương 8 cuốn sách “*Tôi tài giỏi, bạn cũng thế*” của Adam Khoo có đề cập đến phương pháp giúp chúng ta có khả năng nhớ tốt hơn hay nói cách khác ghi nhớ tốt không phải là năng khiếu, tài năng. Adam Khoo khẳng định: “*Không hề tồn tại trí nhớ tốt hay trí nhớ kém mà chỉ tồn tại trí nhớ được rèn luyện và trí nhớ không được rèn luyện. Mỗi người trong chúng ta đều sở hữu một trí nhớ phi thường tự nhiên mà chúng ta chỉ cần học cách tận dụng nó*”.

Trí nhớ bao gồm sự ghi nhớ (*lưu trữ thông tin*) và sự hồi tưởng (*tìm lại thông tin*). Sự ghi nhớ liên quan đến việc lưu trữ thông tin chúng ta nhận được vào bộ não. Sự hồi tưởng liên quan đến khả năng tìm lại thông tin đó khi cần thiết.

Có nhiều bằng chứng khoa học cho thấy khả năng lưu trữ thông tin của bộ não là hoàn hảo và không bị hao mòn theo thời gian. Điều này có nghĩa là mỗi từ ngữ,

hình ảnh, mỗi âm thanh chúng ta lưu vào trí nhớ từ khi sinh ra được lưu giữ hoàn hảo nguyên vẹn ở một nơi nào đó trong bộ não. Vấn đề đáng quan tâm là khả năng hồi tưởng của chúng ta không hoàn hảo.

Trí nhớ được tạo ra bằng cách liên kết từng mảng thông tin với nhau. Muốn nhớ tốt cần lưu ý đến các nguyên tắc cơ bản: sự hình dung, sự liên tưởng, làm nổi bật sự việc, sự tưởng tượng, màu sắc, âm điệu...

Như vậy, theo rất nhiều tài liệu của các nhà nghiên cứu, muốn tận dụng triệt để khả năng ghi nhớ và khả năng hồi tưởng của bộ não chúng ta cần sử dụng cả não trái và não phải.

2. Cách thức chung

Như đã nói ở trên, khối lượng kiến thức mà học sinh phải học mỗi ngày là rất lớn (*đặc biệt là học sinh lớp 12*) nhưng quỹ thời gian và sức khỏe có giới hạn. Mặt khác, xã hội ngày càng đòi hỏi con người sáng tạo. Vậy biện pháp nào giúp chúng ta giải quyết tình trạng này? Thực tế cho thấy, trong quá trình học tập khó ai có thể nhớ kỹ từng chi tiết, nhớ nguyên văn một cuốn sách hoặc một bài học dài. Có chăng là con người có thể nhớ một sơ đồ, một hệ thống, một công thức chung nhất nào đó của bài học.

Vấn đề đặt ra là, giáo viên cần cung cấp cho học sinh một phương pháp phù hợp để học sinh tự học, tự hệ thống kiến thức. Sơ đồ tư duy sẽ đáp ứng tốt yêu cầu trên. Muốn nắm vững, nhớ sâu, vận dụng sáng tạo học sinh phải cùng giáo viên tìm tòi, xây dựng hệ thống bài học. Đã qua rồi thời kì đọc – chép, chiếu – chép, nhìn – chép... Vì vậy, giáo viên hướng dẫn cho học sinh cách thực hiện sơ đồ mô phỏng kiến thức bài học. Đồng thời, giúp học sinh tư duy, sáng tạo, tận dụng khả năng ghi nhớ và hồi tưởng những kiến thức đã ghi nhớ. Hay nói cách khác, học sinh có thể thể hiện nội dung bài học theo cách của mình qua các từ khóa, từ chủ đề trung tâm đến các ý lớn đến các ý nhỏ. Khác với cách ghi chép thông thường, ở cách sử dụng màu sắc kích thích trí nhớ và sự hứng thú vì mỗi nhánh có một từ khóa kèm hình ảnh.

Với một kĩ thuật hình họa có đường nét, có màu sắc có từ ngữ, hình ảnh được dựa trên sự tưởng tượng và kết nối, bản đồ tư duy giúp chúng ta tự do suy nghĩ và phát huy tiềm năng sáng tạo của bộ não. Học sinh không còn thụ động ngồi nghe giáo viên giảng bài rồi ghi bài một cách máy móc mà trái lại các em sáng tạo ra “*tác phẩm*” của riêng mình qua sự định hướng, gợi ý của giáo viên. Ngoài việc dùng bản đồ tư duy trong dạy và học, bản đồ tư duy còn giúp học sinh nâng cao năng lực tự học, tự kiểm tra.

Vì sao phải sử dụng Bản đồ tư duy trong việc dạy, học và hệ thống kiến thức? Bản đồ tư duy sẽ giúp chúng ta sáng tạo hơn, tiết kiệm thời gian hơn, ghi nhớ tốt hơn, có thể nhìn thấy bức tranh tổng thể... Khi lập một bản đồ kiến thức, ngoài việc nhớ và hiểu kiến thức mới còn giúp chúng ta nắm kiến thức sâu, kỹ hơn. Dùng Bản đồ tư duy để dạy, giáo viên sẽ có một định hướng rõ rệt, một kế hoạch cụ thể nắm vững và trình bày những nội dung cơ bản một cách đơn giản hơn để học sinh dễ hiểu, dễ nắm bắt được tính hệ thống và mối quan hệ của những tri thức mà không rơi vào những chi tiết vụn vặt, thứ yếu hoặc không thấy rõ tính hệ thống của bài học.

Quy trình lập bản đồ tư duy:

- Trước hết, chúng ta bắt đầu bằng từ trung tâm với hình ảnh của chủ đề. Sau đó, nối các nhánh chính (*cấp một*) đến hình ảnh trung tâm, nối các nhánh cấp hai đến các nhánh cấp một... bằng các đường kẻ (*luôn sử dụng màu sắc vì màu sắc cũng có tác dụng kích thích não như hình ảnh*). Các đường kẻ càng gần hình ảnh trung tâm càng được tô đậm hơn, dày hơn. Khi chúng ta nối các đường với nhau, chúng ta có thể hiểu và nhớ nhiều hơn do bộ não chúng ta làm việc bằng sự liên tưởng. (*các đường ở cùng một cấp độ phải có cùng màu sắc*).

- Lưu ý: Mỗi từ hoặc ý nên đứng độc lập và được nằm trên một đường kẻ. Nên dùng đường kẻ cong thay vì các đường thẳng vì các đường cong được tổ chức rõ ràng sẽ thu hút được sự chú ý của mắt nhiều hơn. Ngoài ra cần bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.

Hiện nay đã có rất nhiều phần mềm hỗ trợ vẽ bản đồ tư duy trên máy tính. Khi học sinh học trên lớp, chúng ta chỉ cần hướng dẫn cách vẽ sơ đồ. Các em chỉ cần dùng bút màu, giấy A4,

- Ví dụ: Khi học bài Người lái đò sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân

+ Với phương pháp đặt câu hỏi phát vấn hoặc nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, chúng ta có thể tìm hiểu từng nội dung theo các đoạn văn bản ở sách giáo khoa.

Giáo viên có thể dùng câu hỏi: Đoạn văn “*Hùng vĩ của Sông Đà...vừa tắt phụt đèn điện*” miêu tả đá bờ sông như thế nào? Tác giả đã dùng nghệ thuật gì để khắc họa hình ảnh đó? Hình ảnh đó còn giúp em hình dung ra điều gì?

Có thể nói, khi giáo viên đặt câu hỏi thì học sinh tìm các chi tiết từ văn bản ở sách giáo khoa (*hoặc học sinh đã soạn trước ở nhà*) rồi trả lời câu hỏi.

+ Với phương pháp dùng Bản đồ tư duy, giáo viên cũng có thể phát huy tính tích cực của học sinh bằng cách sử dụng các câu hỏi, đồng thời giúp học sinh nhớ kỹ và liên tưởng đến nội dung bài học mà không cần ghi chép quá nhiều. Cũng với đoạn văn trên, chúng ta có thể dùng câu hỏi: đoạn văn “*Hùng vĩ của Sông Đà...vừa tắt phụt đèn điện*” miêu tả hình ảnh gì của sông Đà? Hãy tìm một từ miêu tả hình ảnh ấy? Từ học sinh tìm được sẽ là “*đá bờ sông*”. Từ đó học sinh có thể tự tìm những chi tiết miêu tả đá bờ sông và triển khai theo các cấp độ.

Chúng ta có thể vận dụng Bản đồ tư duy vào hỗ trợ dạy học kiến thức mới, củng cố kiến thức sau mỗi tiết học, ôn tập hoặc hệ thống hóa kiến thức sau mỗi chương, mỗi kì... Trong bài viết này tôi muốn đề cập đến vấn đề giúp học sinh hệ thống hóa kiến thức bằng Bản đồ tư duy.

3. Nội dung cụ thể

3.1 Đoạn trích Việt Bắc – Tố Hữu

Bài thơ Việt Bắc được viết vào tháng 10 năm 1954 giống như lời giã từ căn cứ địa cách mạng sau 15 năm gắn bó, bài thơ cũng mang tính chất của một bản tổng kết lịch sử nhằm khép lại một thời kì cách mạng và mở ra một thời kì mới. Cả bài thơ bao bọc trong nỗi nhớ nồng nàn tha thiết. Trong đoạn trích có đến 35 lần “*nhớ*” được nhắc đến. Điều này chứng tỏ nội dung cảm xúc chính của bài thơ là

nổi nhớ. Một nỗi nhớ hướng tới nhiều đối tượng cụ thể; vừa khác biệt vừa thống nhất với nhau. Đó là nỗi nhớ hướng tới ba đối tượng chính:

- + Nhớ Việt Bắc – quê hương cách mạng
- + Nhớ một thời kháng chiến gian khổ nhưng hào hùng
- + Nhớ công ơn của Đảng và Bác Hồ đã đưa dân tộc đi đến bến bờ thắng lợi.

Bài thơ Việt Bắc được tổ chức dựa trên lời đối đáp của hai nhân vật hư cấu, một bên đại diện cho Việt Bắc một bên đại diện cho những người kháng chiến. Trong phút chia tay, kỉ niệm của thời kì kháng chiến được gọi nhắc, kỉ niệm nào cũng đẹp cũng có khả năng thanh lọc tâm hồn con người. Để đáp lại lời hỏi thảng thốt của Việt Bắc, người ra đi nói ngay nỗi nhớ đang tràn ngập trong lòng mình.

Khi giới thiệu nội dung bài học cho học sinh, giáo viên đã phân tích khá rõ nét nỗi nhớ bao trùm đoạn trích. Trong nỗi nhớ Việt Bắc, nhà thơ khắc họa hình ảnh con người và thiên nhiên nơi đây.

Ở đoạn thơ “*Nhớ gì như nhớ người yêu....chày đêm nện cối đều đều suối xa*”, từ “*nhớ*” lúc này mang sắc thái khẳng định dứt khoát cho thấy tình cảm sâu nặng của những người kháng chiến đối với quê hương cách mạng, cảm nhận đầu tiên của đoạn thơ chứa đựng một hình ảnh so sánh đáng chú ý “*Nhớ gì như nhớ người yêu*”. Câu thơ không phải đang nói tới người yêu mà là nói tới nỗi nhớ đối với Việt Bắc. Tố Hữu ít viết về tình yêu trai gái nhưng điều đó không có nghĩa là cảm xúc trong thơ của ông không đạt tới độ ngất ngây, nồng nàn, chiếm trọn sự chú ý. Ông bàn về vấn đề lớn: Những tình cảm về đất nước, về nhân dân. Khi thể hiện những vấn đề, những tình cảm ấy, ông đã nói bằng ngôn ngữ của một tình nhân say đắm nhất. Quả thực đằng sau câu thơ ta vẫn nhận ra nỗi nhớ dịu ngọt như nỗi nhớ nhung của những người yêu nhau. Nỗi nhớ nhung ấy cứ lơ lửng ám ảnh hoài tâm trí của người đi thốt lên một câu, nửa như cảm thán, nửa như nghi ngờ, nghi vấn chứa đựng một vẻ gợi cảm rất đặc biệt. Trong những dòng thơ tiếp theo những cảnh sắc thân thuộc của quê hương Việt Bắc được miêu tả rất sinh động:

“Trăng lên đầu núi trắng chiều lưng nương

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về

Nhớ từng rừng nứa bờ tre

Ngòi Thia, Sông Đáy, suối Lê vơi đầy... ”

+ Nhà thơ không tả cái gì đã tả, không tả cái gì thật chi tiết mà chỉ làm cái việc, nhắc gửi. Đối với người trong cuộc, chừng ấy cũng đủ khiến họ nhớ những khoảnh khắc cuối cùng đầy niềm xao xác: “*Bếp lửa*” có thể khiến tâm trí bỗng tác động, mọi người bên nhau sum họp khói cùng sương, có thể thức dậy cùng những bản làng chìm khuất sau mây mù. Cụm từ “*Nhớ từng*” được lặp lại hai lần như muốn khẳng định rằng người đi không quên bất cứ sự vật nào, địa điểm nào...

Như vậy, dù chúng ta có dùng phương pháp nào để triển khai bài học thì cũng phải khắc họa rõ nét nỗi nhớ của người về xuôi. Một nỗi nhớ mênh mông vô tận, ám áp trong lòng.

Hoặc trong đoạn thơ “*Ta về mình có nhớ ta...Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*” nhà thơ cũng khắc họa rõ nét tiếng nói cất lên ở đây là tiếng nói của người về xuôi tức là cán bộ cách mạng sắp phải xa Việt Bắc. Câu thơ đầu là một câu hỏi hướng về người ở lại. Câu hỏi này không cần câu trả lời vì đó là câu hỏi tu từ có chức năng đưa đẩy hoặc gắn kết lời đối thoại. Thiết nghĩ, chính câu hỏi này đã làm nổi bật lên tính chất hiển nhiên của nỗi nhớ - thứ tình cảm tha thiết mà người đi đã dành cho Việt Bắc nhằm đáp lại ân tình sâu nặng mà quê hương cách mạng đã giành cho mình: “*Ta về ta nhớ những hoa cùng người*”. Từ “*hoa*” được dùng trong câu thơ thật gợi cảm. Từ “*hoa*” muốn chỉ những loài hoa quen thuộc thường gặp ở núi rừng Việt Bắc. Trong nỗi nhớ nhung triu mến của người đi, Việt Bắc đã trở thành một “*xứ hoa*”. Lúc này, cảm xúc của người đi đã được lắng lại trong suốt. Ấn tượng còn lại là một cái gì lung linh tươi tắn đầy gợi cảm. Phải chăng, hoa chính là thiên nhiên làm say đắm lòng người. Vẻ đẹp của hoa và người cứ hòa quyện tôn lên vẻ đẹp của Việt Bắc. Trong tám câu thơ, Tố Hữu đã tạo nên một bức tranh tứ bình độc đáo về Việt Bắc: xuân - hạ - thu - đông.

Mỗi bức tranh có một vẻ đẹp riêng biệt, độc đáo. Nhưng điểm chung nhất là tác giả đã nhất quán khi sử dụng câu lục miêu tả thiên nhiên còn câu bát lại khắc họa con người. Phải chăng, tác giả đã khẳng định sự thống nhất giữa cảnh vật và con người. Có thể nói rằng, bức tranh tứ bình trong bài thơ đậm đà màu sắc cổ điển với tính chất cân xứng hoàn mỹ của nó:

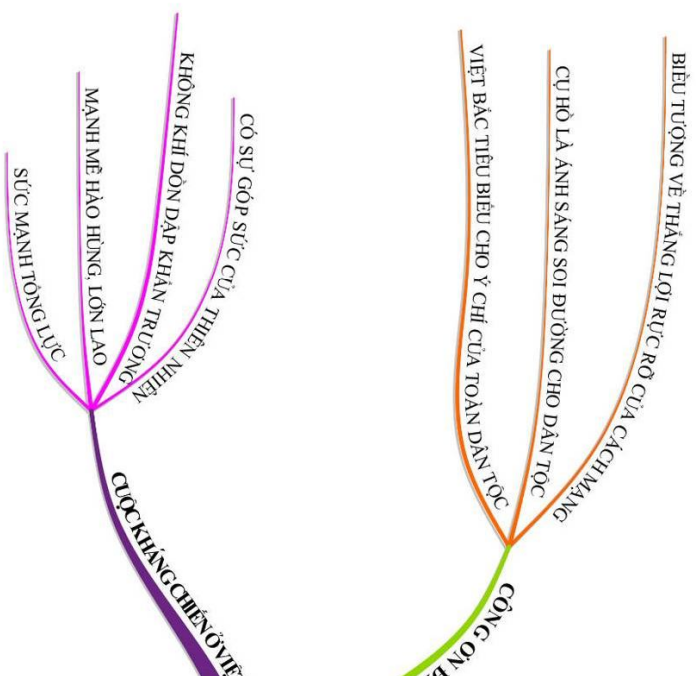
“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”

Bức tranh thứ nhất nói về mùa đông song điều đáng chú ý là bức tranh không hề có cảm giác lạnh lẽo, hiu hắt. Trong bức tranh này, người đọc có thể nhận ra hình ảnh những bông hoa chuối tựa như những đốm lửa cháy bập bùng giữa nền xanh trầm tĩnh của rừng già. Nhà thơ đã dùng gam màu nóng nhằm tạo cảm giác ấm áp cho bức tranh mùa đông. Có lẽ nhà thơ đã coi Việt Bắc là quê hương thứ hai của mình nên dù đang giữa mùa đông cảnh vật cũng ấm áp lạ thường! Tuy vậy, bức tranh mùa đông ấy chỉ làm phong nền cho con người xuất hiện. Hình ảnh những người lao động hăng say, họ đang trong tư thế vận động đi lên phía trước, họ chinh phục thiên nhiên làm nên cuộc sống. Như vậy, thiên nhiên dù có đẹp, có hoành tráng bao nhiêu thì cũng không thể che lấp được con người, mà thực sự đang tôn thêm vẻ đẹp của con người.

Cứ như thế, hết bức tranh mùa đông đến bức tranh mùa xuân và các bức tranh còn lại, nhà thơ đã thể hiện nỗi nhớ của mình về Việt Bắc. Nỗi nhớ hiển hiện khi chưa hề chia xa.

- Khi ôn tập đoạn trích Việt Bắc, giáo viên yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ mô phỏng nỗi nhớ của người về xuôi đối với: Việt Bắc, cuộc kháng chiến ở Việt Bắc, công ơn của Đảng và Bác Hồ.



Hình 3.1: SDT

3.2. Tác phẩm Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân

Học sinh đã làm quen với tác phẩm của Nguyễn Tuân từ năm lớp 11. Chắc hẳn các em sẽ không thể nào quên được cảnh tượng “*xưa nay chưa từng có*” trong tác phẩm Chữ người tử tù của ông. Đến năm lớp 12, học sinh lại được tiếp cận tác phẩm Người lái đò sông Đà - một tác phẩm thành công không kém. Vẫn lối viết tài hoa nghệ sĩ ấy, song đối tượng không còn thuộc tầng lớp đài các “*vang bóng một thời*” nữa mà là những người lao động bình thường – chất “*vàng mười của Tây Bắc*”. Để tôn lên vẻ đẹp của người lao động trên sông nước, Nguyễn Tuân đã xây dựng thành công hình tượng con sông Đà với hai nét tính cách nổi bật. Khi giáo viên triển khai tiết học, bằng phương pháp này hay phương pháp khác, học sinh cũng nắm được những nội dung cơ bản của bài học. Khi tiến hành ôn tập hoặc hệ thống hóa kiến thức, giáo viên yêu cầu học sinh lên bảng triển khai theo sơ đồ tư duy. Có thể kèm theo câu hỏi giúp học sinh định hướng đúng các ý chính cần trả lời.

- Ví dụ: Trong tùy bút Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân đã xây dựng những hình tượng nhân vật nào? Hình tượng nhân vật ấy được thể hiện ra sao? Nhóm 1 trình bày hình tượng con sông Đà, nhóm 2 trình bày hình tượng người lái đò.

+ Con sông Đà trên trang viết của Nguyễn Tuân hiện lên như một “*nhân vật*” với hai nét tính cách trái ngược.

+ Người lái đò đã chinh phục được con sông hung bạo dữ dằn nhờ sự ngoan cường, dũng cảm và kinh nghiệm sông nước.

Sau khi 2 nhóm trình bày lên bảng, giáo viên gọi học sinh dưới lớp nhận xét, bổ sung để hoàn thiện Bản đồ tư duy về kiến thức bài học đó.

- Như đã giới thiệu ở trên, chúng ta cũng có thể dùng cách chia nhỏ nội dung bài học để học sinh nắm vững kiến thức từng phần. Ví dụ như cũng yêu cầu học sinh vẽ Bản đồ tư duy tái hiện hai hình tượng cơ bản trong tác phẩm Người lái đò sông Đà, nhưng giáo viên yêu cầu 4 nhóm làm việc độc lập:

+ Nhóm 1: tái hiện hình tượng con sông Đà hung bạo, dữ dằn.

+ Nhóm 2: tái hiện hình tượng con sông Đà thơ mộng, trữ tình.

+ Nhóm 3: tái hiện hình tượng ông lái đò với sự ngoan cường dũng cảm và kinh nghiệm sông nước.

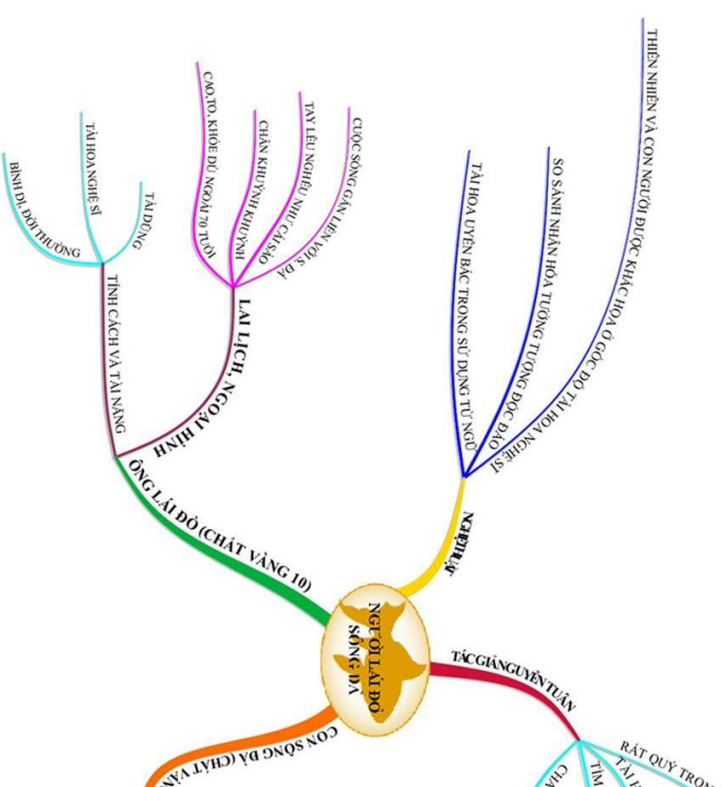
+ Nhóm 4: tái hiện hình tượng ông lái đò với vẻ đẹp bình dị và tài hoa.

Lưu ý: Mỗi học sinh trong nhóm phải có trách nhiệm hoàn thiện một nhánh của Bản đồ tư duy.

Ví dụ: Ở nhóm 1, học sinh thứ nhất trình bày lên Bản đồ hình ảnh “*đá bờ sông*”, học sinh thứ hai trình bày “*những cái hút nước*”... cứ như vậy tất cả các học sinh trong các nhóm đều tích cực làm việc, đều thể hiện được dấu ấn của mình trong Bản đồ tư duy tái hiện kiến thức bài học. Với cách làm này, chúng ta khắc phục được tình trạng một số học sinh ỉ lại, lười biếng hoặc phó thác hết trách nhiệm cho nhóm trưởng.

- Trong các tiết hệ thống kiến thức, giáo viên cần yêu cầu học sinh tích cực tham gia xây dựng bản đồ. Có như vậy học sinh mới phát huy được tính tích cực và sáng tạo của mình. Khi trình bày xong bản đồ cũng là lúc học sinh hiểu kỹ và khắc sâu kiến thức đã học.

Để làm được điều này, giáo viên phải nhắc nhở học sinh nắm kỹ nội dung của bài học. Giáo viên cũng phải hướng dẫn cho học sinh cách trình bày. Từ Bản đồ tư duy các em đã thực hiện, học sinh phải lên bảng thuyết trình nội dung bài học.



Hình 3.2: SDTD Người Lả

3.3. Tác phẩm “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường

Sau khi học xong tác phẩm, giáo viên yêu cầu học sinh có thể tìm một từ khóa thể hiện chủ đề của tác phẩm.

Trong toàn bộ tác phẩm, người đọc có thể nhận ra cái nhìn say đắm, trân trọng của Hoàng Phủ Ngọc Tường đối với sông Hương – con sông thơ mộng của xứ Huế. Sông Hương đẹp ở dòng chảy, dù đó là thượng nguồn với sự “rầm rộ”, “cuộn xoáy” (được ví với vẻ đẹp của cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại), hay ở ngoại vi thành phố Huế, Sông Hương cũng được ví với cô “gái đẹp nằm ngủ mơ màng” trong một câu chuyện tình lãng mạn nhuộm màu cổ tích. Đến giữa lòng thành Phố Huế, Sông Hương còn mang một vẻ đẹp độc đáo hơn: vừa tinh tế vừa mềm mại gợi cảm vừa mang phẩm chất của người con gái đang yêu.

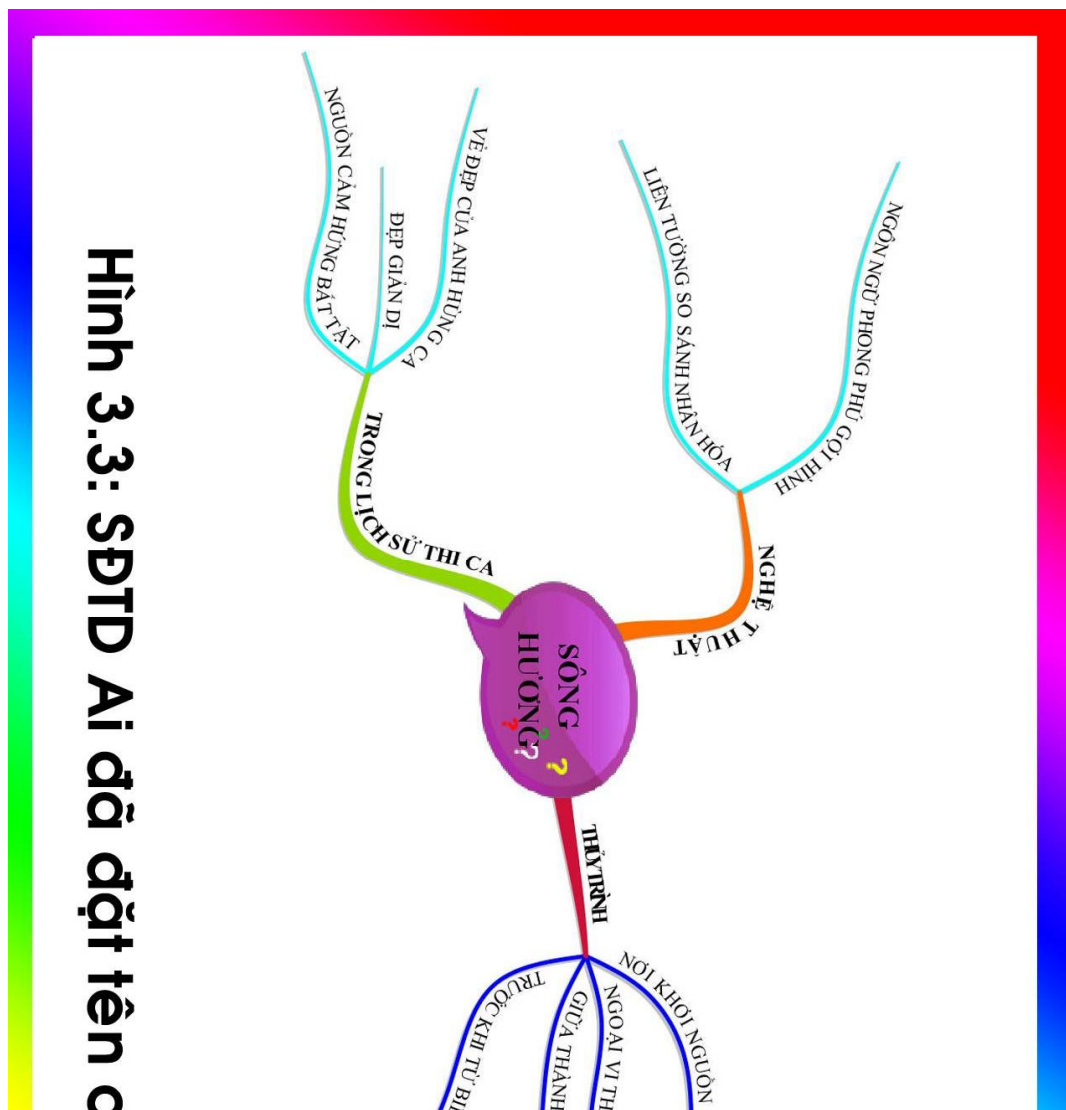
Trước khi từ biệt Huế, sông Hương trở thành người tình dịu dàng và chung thủy. Trong lịch sử và thi ca, sông Hương còn có một cách làm đẹp riêng cho mình đó là mang vẻ đẹp chiều dài của lịch sử, chiều sâu của nền văn hóa và trở thành nguồn cảm hứng bất tận trong thi ca.

Nếu khi ôn tập, giáo viên yêu cầu học sinh lên bảng trình bày nội dung trên thì có lẽ các em sẽ gặp khó khăn. Vì lúc này ta chưa tận dụng được khả năng ghi nhớ tối ưu của bộ não.

Có thể trong bài này, giáo viên yêu cầu học sinh tìm một từ khóa liên quan đến hình tượng dòng sông Hương. Ví dụ, học sinh dùng từ “*đẹp*” để dùng vào nhánh ba của Bản đồ tư duy.

Chính Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng ví sông Hương như người con gái đẹp đang đi tìm tình yêu đích thực của mình. Mà tình yêu của Sông Hương là Thành Phố Huế, nên trong suốt chặng đường đi tìm tình yêu “*cô gái*” Sông Hương phải luôn làm đẹp mình, làm mới mình trong mắt mọi người. Tình yêu sông Hương dành cho Thành Phố Huế hay tình yêu say đắm của Hoàng Phủ Ngọc Tường dành cho sông Hương và xứ Huế thơ mộng? Dù đó là gì đi chăng nữa, chúng ta cũng nhận thấy tình cảm, sự trân trọng, niềm tự hào của tác giả dành cho vẻ đẹp của quê hương Đất nước. Lúc này đây, Sông Hương trở thành một thực thể sống mang vẻ đẹp hài hòa giữa hình dáng và tâm hồn.

- Trong quá trình lập Bản đồ tư duy, học sinh cần nắm được cả nội dung và nghệ thuật của bài học, có như vậy mới phù hợp với đặc trưng của bộ môn.



3.4. Tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu

Mỗi lần nhắc đến Nguyễn Minh Châu, người đọc nhớ ngay đến “*hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn*” trong các sáng tác của ông như Nguyệt trong “*Mảnh trăng cuối rừng*”. Đến nay, ta lại bắt gặp hạt ngọc trong lấp láp bùn đất, lam lũ đời thường ở người đàn bà hàng chài trong tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*. Cũng cách gọi phiếm chỉ như ông lái đò trong tác phẩm *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân, người đàn bà hàng chài đã để lại ấn tượng mạnh với người đọc như một sự ám ảnh.

Khi nhắc đến bà, bỗng dưng tôi lại nhớ đến Thị Nở. Không phải vì vẻ bề ngoài do sự bất công của tạo hóa, vì nỗi bất hạnh khi họ phải gánh chịu mà có lẽ là vì sự cảm thông của họ dành cho người khác, vì vẻ đẹp tâm hồn đáng trân trọng – dù sự trân trọng ấy có chút gì nghiền ngẫm.

Dõi theo lời kể của nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng, người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Mở đầu là một “*cảnh đất trời cho*”, tôi hiểu được cảm giác choáng ngợp tâm hồn bởi anh phát hiện được một khung cảnh toàn bích. Anh đang sống trong sự sung sướng – sự sung sướng của món ăn tinh thần chứ không thuộc về thể xác. Ấy vậy mà ngay lúc ấy, anh phải chứng kiến cảnh tượng tàn bạo như sự trêu đùa của tạo hóa. Một cảnh bạo hành dã man diễn ra ngay trước mắt. Lúc này không biết có ai đã từng nghĩ: người đàn bà kia là kẻ thù? Người đàn bà kia đã phạm phải một tội lỗi không thể dung tha? Nguyễn Minh Châu đã quá khéo khi đặt ra một tình huống truyện độc đáo làm người đọc nhấp nhòm, đứng ngồi không yên. Phải tìm hiểu tiếp câu chuyện để tìm lời giải đáp cho những thắc mắc trên.

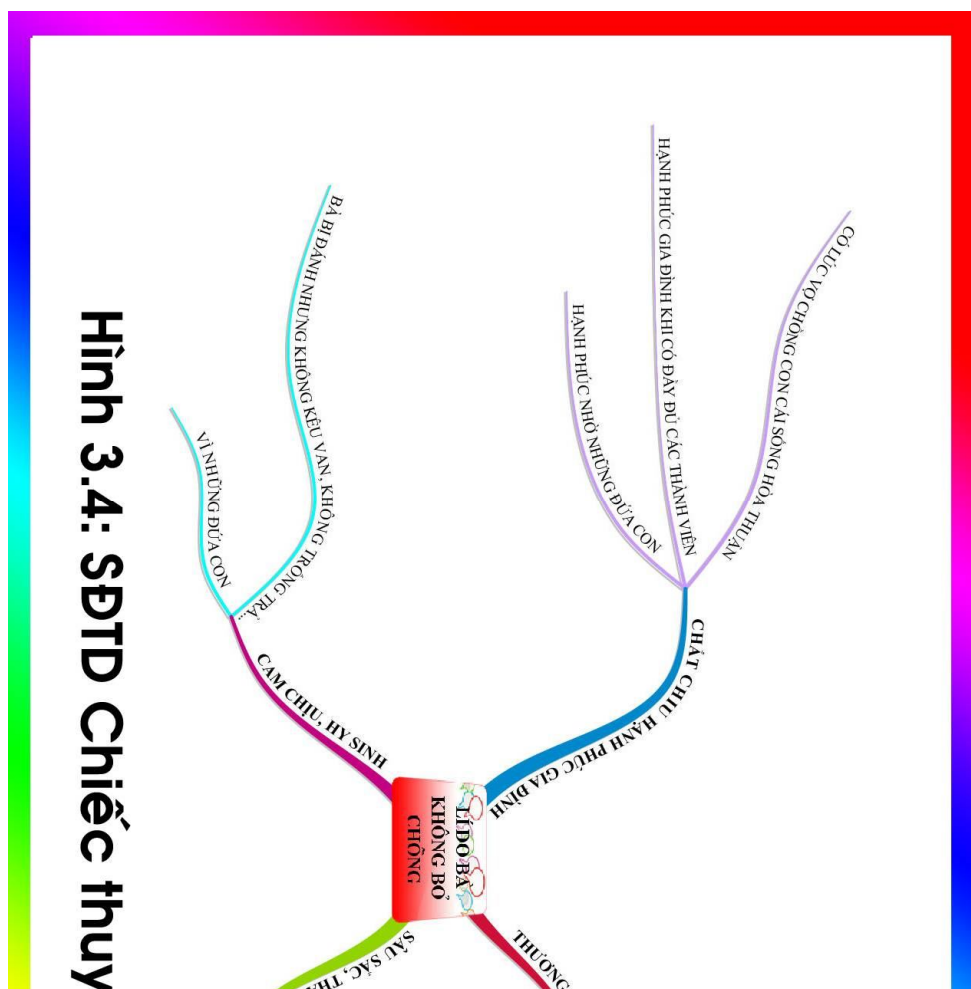
Đến tòa án Huyện, người đọc như nhìn thấy vẻ mặt lo lắng, bối rối của người đàn bà hàng chài. Sao không nghe thấy bà ta kể tội chồng mình như những

người đàn bà bị chồng đánh khác? Hay bà bị một sự đe dọa nào đó? Được khuyên bỏ chồng, người đàn bà từ chối bằng một hành động khó hiểu “*con lạy quý tòa*” “*quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...*”. Chính lúc này, người trực tiếp chứng kiến câu chuyện hay người gián tiếp nghe kể như chúng ta đều cảm thấy khó hiểu, một cảm giác bất ngờ, khó chịu và bức xúc. Từ trong lời kể của bà toát lên một nỗi đau, một sự cam chịu, một sự hi sinh vô bờ bến. Lúc đầu, chúng ta nghĩ rằng người đàn bà nghèo khổ kia phải biết ơn nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng và chánh án Đẩu. Nhưng không! Chính Phùng và Đẩu phải thâm cảm ơn vì sự sâu sắc và thấu hiểu lẽ đời của người mẹ nghèo khổ. Một người mẹ luôn sống vì con. Thậm chí đến niềm vui của bà cũng nhờ có các con “*vui nhất là khi ngồi nhìn đàn con tôi chúng được ăn no*”.

Khi học tác phẩm này ở nội dung câu chuyện ở tòa án Huyện, giáo viên có thể kết hợp nhiều phương pháp như nêu vấn đề, nêu giả thuyết...

- + Nếu em là người đàn bà hàng chài, em sẽ hành xử như thế nào?
- + Em có đồng tình với cách hành xử của bà không? Vì sao?
- + Giáo viên có thể cho học sinh thảo luận nhóm (*hướng học sinh đến câu trả lời thể hiện rõ nhất phẩm chất đáng trân trọng của bà.*)

Khi ôn tập, giáo viên yêu cầu học sinh lên bảng lập Bản đồ tư duy về lí do không bỏ chồng của người đàn bà, từ đó chúng ta có thể nhận ra những phẩm chất tốt đẹp, đáng trân trọng của hình tượng nhân vật này. Đồng thời, học sinh hiểu rõ hơn thông điệp mà nhà văn gửi gắm qua câu chuyện.



ÔN TẬP

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- ## II. CÁC BƯỚC LÊN LỚP

- Ổn định lớp
- Kiểm tra bài cũ: Em hãy nêu mục đích sáng tác của 3 tác giả văn học nước ngoài (Lỗ Tấn, Sô- lô -khốp, Hê -minh -uê)?

Hoạt động của GV	Nội dung cần đạt	Hoạt động của HS
- Với tiết ôn tập, GV hướng dẫn cho học sinh cách hệ thống lại những kiến thức đã học. Có thể sử dụng câu hỏi tái hiện kiến thức, cũng có thể gọi học sinh trình bày bảng. GV tiếp tục gọi học sinh khác nhận xét và bổ sung (nếu còn thiếu). - Trong bài này GV yêu cầu học sinh hệ thống kiến thức bằng lập Bản đồ tư duy nhằm giúp học sinh nhớ kĩ hơn kiến thức đã được học. - Nhóm 1: Trình bày những nét chính về tác giả Lỗ Tấn? - Nhóm 2: Tóm tắt tác phẩm Thuốc theo các từ khóa: Mua thuốc – uống thuốc – bàn luận về thuốc – Hậu quả của thuốc. Nhóm 3: trình bày ý nghĩa nhan đề	<u>Bốn ý</u> + Tên, quê quán + Quan niệm sáng tác, mục đích sáng tác. + Giải thưởng + Tác phẩm tiêu biểu Theo nội dung đã học	Học sinh lên bảng lập Bản đồ tư duy hệ thống lại kiến thức đã học.

Thuốc (ý nghĩa hình tượng bánh bao tẩm máu) - Nhóm 4: Ý nghĩa hình tượng vòng hoa trên mộ Hạ Du. Sau khi học sinh đã trình bày xong, giáo viên yêu cầu học sinh đó phải thuyết trình được nội dung mình vừa trình bày. - Tiếp tục gọi các học sinh khác ở trong lớp thuyết trình. - Với những nội dung tái hiện kiến thức như về tác giả hoặc tóm tắt tác phẩm, giáo viên cần yêu cầu những học sinh lực học trung bình trình bày. Riêng nội dung của nhóm 3,4 thì giáo viên nên gọi học sinh khá (khoảng 2 hs) thuyết trình trước, sau đó tiếp tục gọi học sinh trung bình, yếu... - Gv tiếp tục với những câu hỏi khác: + Trình bày các nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm, đặc biệt là không gian và thời gian nghệ thuật? + Hình ảnh con đường mòn chia nghĩa địa làm hai có ý nghĩa gì? + Vì sao mở đầu tác phẩm là mùa thu tàn tạ còn kết thúc lại là mùa xuân với <i>“những cây dương liễu mới đâm ra những mầm non”</i>?	Theo nội dung đã học	Học sinh lên bảng thuyết trình Thời gian có sự vận động. Thu qua xuân tới là quy luật của đất trời. Mùa thu tàn tạ chết chóc vì nó là mùa hành quyết tội nhân của Trung Quốc. Mùa xuân tượng trưng cho màu xanh của sự sống, của niềm hi vọng. Lúc này hai người mẹ đau khổ đã có sự đồng cảm. Từ đó nhà văn đã gieo vào lòng người đọc một niềm tin, niềm hi vọng về một cuộc sống mới mẻ hơn. Tốt đẹp hơn.
--	-----------------------------	--

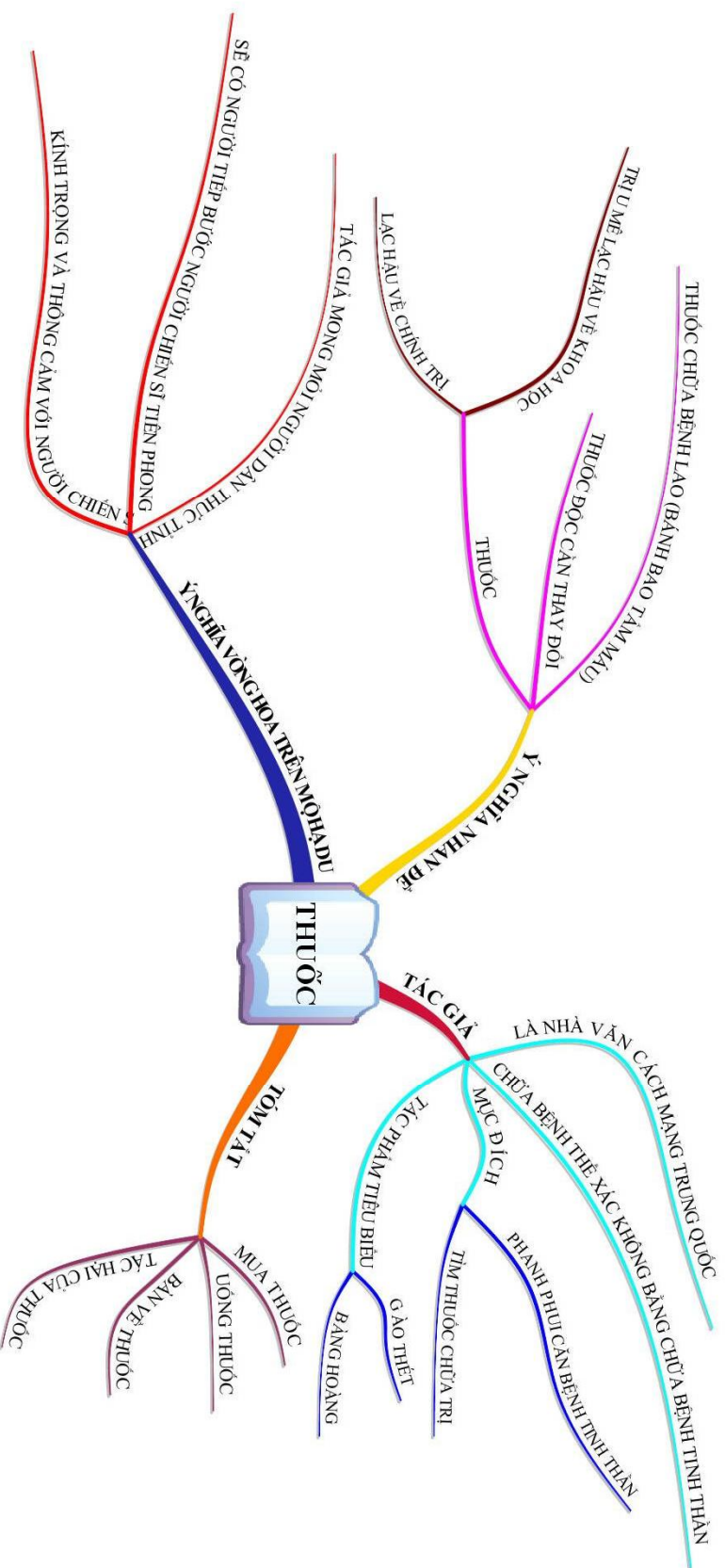
III. CÙNG CỐ

- Giới thiệu tác giả

- Tóm tắt tác phẩm
- Ý nghĩa nhan đề thuốc
- Ý nghĩa vòng hoa trên mộ Hạ Du.
- Đặc sắc nghệ thuật.

IV. DẪN DÒ

- Nắm kĩ các nội dung trên
- Lập Bản đồ tư duy hệ thống kiến thức cho bài Số phận con người của Xô-cô-lốp.



Hình 3.5: SDTD Thuốc (Lỗ Tấn)

III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

- Sau khi áp dụng, tôi nhận thấy học sinh rất hứng thú với phương pháp này. Từ việc trình bày kiến thức đến hệ thống kiến thức hoặc trong các giờ ôn tập, học sinh đều háo hức chờ đón những lời nhận xét về Bản đồ tư duy mà mình đã lập. Từ một bộ môn nhiều kiến thức, nhiều nội dung, học sinh đã bớt áp lực vì phải học thuộc bài.

- Từ những ngôn ngữ và hình ảnh trên bản đồ đã sử dụng sẽ giúp học sinh hiểu bài hơn, nhớ lâu hơn, rèn luyện khả năng khái quát và tổng hợp vấn đề.

- Từ những từ khóa trên các bản đồ, bảng biểu giúp học sinh tự lập trong cách diễn đạt, từ đó phát huy được năng lực tiếp thu văn bản một cách chủ động sáng tạo, khách quan.

- Kết quả thu được cho thấy có sự chuyển biến rất rõ khi áp dụng phương pháp này

Năm học 2011-2012

Lớp	Sĩ số	Bài viết số 4		Bài viết số 5		Bài viết số 6		Bài viết số 7		Ghi chú
		>5	<5	>5	<5	>5	<5	>5	<5	
12S1	45	24	21	22	23	19	26	15	30	
12S3	43	18	25	15	28	14	27	11	32	

C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ TÀI

- Có thể sử dụng Bản đồ tư duy trong việc soạn giảng bài mới, hệ thống kiến thức hoặc các tiết ôn tập. Tuy vậy, không có một phương pháp nào tối ưu cho mọi trường hợp. Thêm nữa, mọi phương pháp đều đòi hỏi người dạy và người học phải có những kỹ năng nhất định. Trong bộ môn Ngữ văn, ngoài những kiến thức được sơ đồ hóa, học sinh phải tự rèn cho mình khả năng diễn đạt, rèn cách trình bày bài văn, chữ viết.

- Bản đồ tư duy không thể tái hiện được cảm xúc, không chuyển tải hết sự tinh túy trong cách dùng từ, đặt câu, trong nghệ thuật cấu trúc của tác phẩm. Vì vậy khi sử dụng Bản đồ tư duy, giáo viên phải yêu cầu học sinh thuyết trình trọn vẹn về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, tránh sự suy diễn khô khan, không cảm xúc.

- Cần lựa chọn, kết hợp nhiều phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với đặc trưng bộ môn để giờ học nhẹ nhàng mà hiệu quả hơn!

Kiểm Tân ngày 20 tháng 5 năm 2012

Người viết

Ngô Thị Xuyến

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lập bản đồ tư duy- Tony Buzan - Nhà xuất bản Lao động xã hội – 2010.
2. Sử dụng Bản đồ tư duy trong dạy học môn Ngữ văn – Tiến sĩ Phạm Văn Nam – Dự án phát triển giáo dục – 2012.
3. Sách Tôi tài giỏi, bạn cũng thế - Adam Khoo – Nhà xuất bản Phụ Nữ - 2008.
4. Bản đồ tư duy đổi mới phương pháp dạy học – Hoàng Đức Huy – (Internet)
5. Sách giáo khoa Ngữ văn 12 tập 1, 2 – Nhà xuất bản Giáo dục.
6. Chuyên đề dạy học Ngữ văn 12 – Tiến sĩ Lê Thị Hương – Nhà xuất bản Giáo dục – 2008.
7. Nguồn từ Internet.